

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-Bản án số: **31/2023/HS-ST**

-Ngày: 26/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**

** Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phạm Thế Tụng**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

** Thư ký phiên tòa:* bà **Cao Thị Thùy Trang** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* ông **Trần Việt Tú** Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số **31/2023/TLST-HS** ngày **07 tháng 6 năm 2023** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **32/2023/QĐXXST-HS** ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C đối với bị cáo:

ĐẶNG THỊ D, sinh ngày **01 tháng 01 năm 1963** tại tỉnh Đ. Số CCCD 087163006098 cấp ngày 14 tháng 7 năm 2022 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp. Nơi thường trú: ấp L, xã P, thành phố M, tỉnh T. Nơi ở hiện nay: Khu phố 4, Phường 10, thành phố M, tỉnh T. Giới tính: Nữ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Nghề nghiệp: Bán vé số. Con ông Đặng Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết). Chồng Nguyễn Tấn C (đã chết). Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1984. Tiền án: không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/02/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C và có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo:*

- Luật sư **Nguyễn Thị Huỳnh N** – Văn phòng luật sư Huỳnh N, Đoàn luật sư tỉnh T (vắng mặt)

** Bị hại:* **Dương Thị Huỳnh N**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ, ngày 28/9/2022, Đặng Thị D một mình đi bộ bán vé số tại Chợ S thuộc ấp S, xã S, huyện C, tỉnh T. Khi đi ngang quầy bán bún của chị Dương Thị Huỳnh N, bị cáo D dừng lại để hỏi mua bún. Lúc này, D nhìn thấy điện thoại di động cảm ứng hiệu Samsung Galaxy A32, màu xanh của chị N đang đặt trên bàn sau ngăn tủ kính không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại di động để đem về nhà sử dụng. Lợi dụng sơ hở khi chị N đang dọn dẹp phía sau quầy thì D dùng tay phải lén lút lấy điện thoại di động sau đó cầm trên tay rồi bỏ đi. Khi D bỏ đi được khoảng 10 mét thì chị N phát hiện và tri hô mọi người xung quanh bắt giữ bị cáo lại. Sau đó Công an xã S mời những người liên quan về trụ sở giải quyết. Qua làm việc bị cáo D đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 45/KL-ĐGTS ngày 04/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C xác định:

- 01 điện thoại di động cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu Samsung Galaxy A32 trị giá 4.543.000 đồng.

- 01 ốp lưng điện thoại di động cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu Samsung Galaxy A32, bằng nhựa, màu xanh, không rõ nhãn hiệu nên không xác định được giá.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 4.543.000 đồng.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 266/KL-VPYTW ngày 24/4/2023 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa đối với Đặng Thị D:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay đương sự bị bệnh chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F70-ICD.10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Hiện nay đương sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Cáo trạng số 35/CT-VKSCG ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố bị cáo Đặng Thị D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện C giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng; qua phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm l, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đặng Thị D mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị trả lại bị cáo 01 quyển sổ tra cứu kết quả xổ số, bìa sổ màu đỏ - xanh

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu bồi thường dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo thống nhất với Cáo trạng, bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về hình phạt, xử lý vật chứng. Bị cáo có lời nói sau cùng, bị cáo biết mình có hành vi vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về phụ giúp gia đình và trở thành người có ích cho xã hội để làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, lời trình bày của bị cáo, bị hại, đề nghị của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt không lý do, người bào chữa cho bị cáo có đơn xin vắng mặt. Nhận thấy, việc vắng mặt bị hại, người bào chữa không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo, bị cáo đồng ý tiếp tục xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục phiên tòa xét xử đối với bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận: Khoảng 08 giờ ngày 28/9/2022, tại Chợ S thuộc ấp S, xã S, huyện C, tỉnh T, bị cáo đã lên lút lấy trộm điện thoại di động cảm ứng hiệu Samsung Galaxy A32 của chị Dương Thị Huỳnh N trị giá là 4.543.000 đồng. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định. “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

[5] Tính chất, mức độ hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng, bất bình cho quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt hình phạt tù về tội trộm cắp tài sản (04 tiền án) lẽ ra bị cáo phải hối cải, sửa chữa sai lầm để lao động tạo ra tài sản nhưng bị cáo vẫn cố ý tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Chỉ vì muốn có điện thoại để sử dụng, bị cáo đã lén lút lấy trộm điện thoại di động cảm ứng hiệu Samsung Galaxy A32 của bị hại Dương Thị Huỳnh N trị giá là 4.543.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và nhận thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa chung cho mọi người. Song Hội đồng xét xử thấy, lúc phạm tội bị cáo là người bị hạn chế năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử có xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân:

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, lúc phạm tội bị cáo là người bị hạn chế năng lực nhận thức nên đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm 1, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

+ Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, từng có 04 tiền án về tội trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích.

+ Đồng phạm: vụ án này không có đồng phạm.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường dân sự. Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Về vật chứng:

Đối với 01 quyển sổ tra cứu kết quả xổ số, bìa sổ màu đỏ - xanh đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C là sổ ghi nhận kết quả xổ số kiến thiết của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử đồng ý trả lại cho bị cáo.

[9] Xét ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Về tội danh, mức hình phạt, Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là tương xứng với hành vi, vai trò, nhân thân của bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử có xem xét, cân nhắc khi nghị án.

+ Về xử lý vật chứng Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về trách nhiệm hình sự: Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị hại, người bào chữa cho bị cáo vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[12] Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Luật sư Nguyễn Thị Huỳnh N có đơn xin vắng mặt và có gửi bài phát biểu trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo, cụ thể: người bào chữa thống nhất với Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt đối với bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ, cụ thể: bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, lúc phạm tội bị cáo là người bị hạn chế năng lực nhận thức đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm 1, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và về hình phạt cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng trở thành công dân có ích cho xã hội. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu bồi thường. Về vật chứng là điện thoại di động đã trả lại cho bị hại xong, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Xét thấy lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo về tội danh, mức hình phạt, tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận và xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố bị cáo Đặng Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm 1, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi và bổ sung năm 2017;

* Xử phạt bị cáo Đặng Thị D 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2023.

2/ Về vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Trả lại cho bị cáo 01 quyển sổ tra cứu kết quả xổ số, bì sỏ màu đỏ - xanh.

3/ Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị hại, người bào chữa cho bị cáo vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Cc. THADS huyện C;
- Công an huyện C;
- NTG Công an huyện C;
- Bị cáo, bị hại...;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phạm Văn Tài